

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Ung Bướu có nhu cầu tiếp nhận báo giá (Mẫu đính kèm) để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **Mua sắm hóa chất, vật tư làm xét nghiệm miễn dịch, sinh hóa sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch – sinh hóa tự động tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2025 – 2026** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ:
 - Cơ sở 1: Số 3, Đường Nơ Trang Long, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Cơ sở 2: Số 12 Đường 400, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Nguyễn Thị Bảo Sơn
 - Chức vụ: Nhân viên – Phòng Vật tư, thiết bị y tế
 - Số điện thoại: 0909 59 89 57
 - Địa chỉ email: phongvttb.bvub@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư, thiết bị y tế – Bệnh viện Ung Bướu. Địa chỉ: Số 3, Đường Nơ Trang Long, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Đồng thời, nhà cung cấp gửi file excel báo giá, file PDF báo giá kèm các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế qua email: phongvttb.bvub@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 02 tháng 10 năm 2025 đến trước 17h ngày 13 tháng 10 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13 tháng 10 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị) (Danh mục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Ung Bướu
 - Cơ sở 1: Số 3, Đường Nơ Trang Long, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Cơ sở 2: Số 12 Đường 400, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV/2025.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Không tạm ứng
 - Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nghiệm thu.

Trân trọng./. ✓

LT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
UNG BƯỞU
Vũ Hồng Minh Phước

Mua sắm hóa chất, vật tư làm xét nghiệm miễn dịch, sinh hóa sử dụng trên máy xét nghiệm
miễn dịch – sinh hóa tự động tại Bệnh viện Ung Bướu năm 2025 – 2026

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1	Thuốc thử xét nghiệm TSH		240.000	Test
2	Hiệu chuẩn xét nghiệm TSH		75	mL
3	Thuốc thử xét nghiệm FT4		240.000	Test
4	Hiệu chuẩn xét nghiệm FT4		60	mL
5	Hoá chất xét nghiệm Free T3		51.000	Test
6	Hoá chất chuẩn xét nghiệm Free T3		50	mL
7	Thuốc thử xét nghiệm Anti-TPO		7.200	Test
8	Hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-TPO		45	mL
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3		22.000	Test
10	Hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3		50	mL
11	Dung dịch pha loãng cho các xét nghiệm miễn dịch như CA 15-3, CA 19-9, CA 72-4, CA 12-5, AFP, CEA, ProBNP, SCC, Cyfra 21-1, Cortisol, Anti Hbs, HCG...		3.500	mL
12	Dung dịch pha loãng cho một số xét nghiệm miễn dịch TSH, Calcitonin, HE4, ProGRP, TG, Troponin T hs, Estradiol...		240	mL
13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 19-9		7.200	Test
14	Hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9		40	mL

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
15	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 12-5		11.000	Test
16	Hiệu chuẩn xét nghiệm CA 12-5		40	mL
17	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA		24.000	Test
18	Hiệu chuẩn xét nghiệm CEA		34	mL
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ACTH		720	Test
20	Hiệu chuẩn xét nghiệm ACTH		34	mL
21	Sinh phẩm dùng xét nghiệm định tính HIV (Ag/Ab)		30.000	Test
22	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm HIV		180	mL
23	Sinh phẩm dùng xét nghiệm định tính HCV Ab		15.000	Test
24	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HCV		80	mL
25	Sinh phẩm dùng phát hiện HBs Ag		18.000	Test
26	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm HBsAg		100	mL
27	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-Hbs		7.200	Test
28	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HBS		80	mL
29	Thuốc thử xét nghiệm định tính HbeAg		1.500	Test
30	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbeAg		50	mL
31	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1		5.400	Test

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
32	Hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA 21-1		40	mL
33	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 72-4		3.600	Test
34	Hiệu chuẩn xét nghiệm CA 72-4		30	mL
35	Thuốc thử xét nghiệm PSA		3.600	Test
36	Hiệu chuẩn xét nghiệm PSA		40	mL
37	Thuốc thử xét nghiệm PSA tự do		2.600	Test
38	Hiệu chuẩn xét nghiệm PSA tự do		40	mL
39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng NSE		3.600	Test
40	Hiệu chuẩn xét nghiệm NSE		40	mL
41	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm chỉ dấu ung thư AFP, CEA, CA 12-5, CA 15-3, CA 19-9, CA 72-4, CYFRA 21-1, NSE, ...		220	ml
42	Thuốc thử xét nghiệm HE4		1.800	Test
43	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HE4		40	mL
44	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HE4		50	mL
45	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư tế bào vảy SCC		1.800	Test
46	Hiệu chuẩn xét nghiệm SCC		40	mL
47	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm SCC, ProGRP, CYFRA 21-1, NSE		220	ml

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP		11.000	Test
49	Hiệu chuẩn xét nghiệm AFP		40	mL
50	Thuốc thử xét nghiệm định lượng iPTH		18.000	Test
51	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PTH		75	mL
52	Thuốc thử xét nghiệm định lượng calcitonin người		1.500	Test
53	Hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Calcitonin		40	ml
54	Kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch như calcitonin, PTH, PTH STAT....		220	mL
55	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TG		22.000	Test
56	Hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TG		40	mL
57	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-TG		18.000	Test
58	Hiệu chuẩn xét nghiệm Anti-Tg		45	mL
59	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-TSHR (trab)		7.200	Test
60	Hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TSHR (trab)		100	mL
61	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-TSHR, Anti-TPO, Anti-Tg		220	mL
62	Thuốc thử xét nghiệm định lượng estradiol		720	Test
63	Hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Estradiol		30	mL
64	Thuốc thử xét nghiệm FSH		720	Test

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
65	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FSH		30	mL
66	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PCT (procalcitonin)		11.000	Test
67	Thuốc thử xét nghiệm định lượng NT-proBNP		18.000	Test
68	Hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NT-proBNP		60	ml
69	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm theo dõi chức năng tim mạch như CK-MB, Pro BNP II, proBNP II STAT		150	ml
70	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin T hs		2.200	Test
71	Hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T hs		30	mL
72	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm Troponin T hs, Troponin T hs STAT		80	mL
73	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động		3.600.000	mL
74	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu trước khi phát tín hiệu.		2.400.000	mL
75	Dung dịch rửa hệ thống ống và cốc đo sau mỗi lần đo và điều chỉnh điện cực; còn dùng để rửa kim hút thuốc thử của máy phân tích sau khi hút		4.200.000	mL
76	Đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng		2.400.000	Cái
77	Dung dịch vệ sinh điện cực		1.200	mL
78	Thuốc thử xét nghiệm AST		72.000	Test
79	Thuốc thử xét nghiệm ALT		72.000	Test

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
80	Thuốc thử xét nghiệm Glucose		36.000	Test
81	Thuốc thử xét nghiệm Urea		48.000	Test
82	Thuốc thử xét nghiệm Creatinine		96.000	Test
83	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci)		48.000	Test
84	Thuốc thử xét nghiệm Protein		24.000	Test
85	Thuốc thử xét nghiệm Albumin		24.000	Test
86	Thuốc thử xét nghiệm LDH		4.800	Test
87	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa như AST, ALT, Creatinin, Albumin, Alkaliphosphate, Amylase, ure, acid uric, Triglycerid....		220	mL
88	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức 1 cho các xét nghiệm như AST, ALT, GGT Alkaliphosphate, Albumin, Amylase,		360	mL
89	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức 2 cho các xét nghiệm như AST, ALT, GGT Alkaliphosphate, Albumin, Amylase,		360	mL
90	Dung dịch rửa buồng ủ sinh hóa		12.000	mL
91	Hộp dung dịch rửa kim hút mẫu		60.000	mL
92	Dung dịch rửa có tính kiềm		180.000	mL
93	Dung dịch rửa có tính acid		60.000	mL
94	Cồng đo dùng trong máy xét nghiệm sinh hóa		720	Cái